

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 223/2023/HS-PT

Ngày 06 - 11 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 221/2023/TLHS-PT ngày 02/10/2023, đối với bị cáo Hà Văn B về tội “Đe dọa giết người”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: **Hà Văn B**; sinh năm 1981, tại tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Thôn GC, xã ED, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn A, sinh năm 1957 và bà Mạc Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là Hà Thị Q, sinh năm 1983 và có 02 con, sinh năm 2002 và sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Tiến T1 – Văn phòng luật sư BK, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 306 đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người bị hại:** Ông Lê Cảnh T2, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn GH, xã TG, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nên ông Lê Cảnh T2 đã cho Hà Văn B thuê giàn khoan để B sử dụng để khoan giếng nhưng B chưa trả tiền cho ông T2. Vào khoảng 12 giờ

30 phút ngày 29/11/2022, ông Lê Cảnh T2 điều khiển xe mô tô chở vợ là bà Nguyễn Thị Diễm T3 từ nhà ở thôn GH, xã TG, huyện KN đến nhà của Hà Văn B ở thôn GC, xã ED, huyện KN để đòi tiền nợ. Đến nhà B, ông T2 ngồi ở chiếc chiếu đặt ở phòng khách, còn bà T3 ngồi ở ghế đặt trước hiên nhà, lúc này B đang ở trong nhà cùng với vợ là bà Hà Thị Q và có ông Nguyễn Văn Q đang nằm ngủ. Ông T2 yêu cầu B phải trả 4.020.000 đồng tiền thuê giàn khoan và 400.000 đồng tiền dầu trước đó ông T2 đổ còn trong máy, nhưng B không đồng ý trả số tiền 400.000 đồng vì nghĩ số dầu còn ít. Ông T2 không chấp nhận nên hai bên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, trong lúc cãi nhau thì ông T2 lấy điện thoại ra gọi và nói với B “Mày có tin tao hốt mày luôn không? B nghĩ rằng ông T2 gọi người vào đánh B, nên bực tức nói với ông T2 “*Làm gì có bốn trăm ngàn mà ông làm ghê vậy, dờ luật giang hồ ra vậy, cần thì tôi đưa chứ gì mà ghê vậy, ông có tin tôi bắn chết ông không*”, rồi B đi vào góc nhà lấy ra một khẩu súng tự chế, đi về phía ông T2 và dờ súng lên về phía trước. Thấy B cầm súng chĩa về hướng mình, ông T2 nghĩ là B bắn mình thật nên sợ hãi bỏ chạy ra ngoài theo hướng vào vườn cao su. Thấy vậy, bà Q (vợ của B) can ngăn và giật lấy khẩu súng trên tay B, B tiếp tục cầm tuýp sắt chạy ra phía ngoài cửa thấy ông T2 đã chạy xa nên B dừng lại, thấy bà T3 đứng đang chửi mình, B cầm 01 con dao đi về phía **bà T3, đến** vị trí cách bà T3 2m thì B chỉ dao về phía bà T3 nói “*Bà về đi, không tôi chém bà luôn đó*”, thấy vậy bà T3 đi về. Lúc này, ông Q1 đi ra can ngăn và kéo B vào nhà.

Theo biên bản hiện trường ngày 16/3/2023, tại thôn GC, xã ED, huyện KN: Hiện trường là nhà lợp tôn, xây bằng gạch, hướng đông, tây và bắc đều giáp rừng cao su, hướng nam giáp vườn cà phê của B, từ trước nhà nhìn về hướng bắc có 01 con đường đất đi trong lô cao su ra đến đường liên thôn. Căn nhà có 03 phòng; 01 phòng ngủ; 01 phòng bếp; 01 phòng chính là phòng xảy ra sự việc Hà Văn B dùng súng đe dọa giết ông T2, phòng có kích thước (680x550)cm, có 02 cửa bằng sắt, 01 cửa sổ sắt tường, trong phòng có 01 tủ lạnh, 01 cái giường và một số vật dụng khác. Vị trí Hà Văn B ngồi cách ông T2 180cm, từ vị trí ông T2 đến vị trí khẩu súng 510cm.

Kết luận giám định số 110/KL-KTHS ngày 07/02/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: 01 khẩu súng có đặc điểm dài 158cm, trên súng có bộ phận cò như: cò súng, búa đập, lò xo búa đập là súng tự chế kiểu súng kíp; hiện tái sử dụng nên có vũ khí loại tính năng, tác dụng tương tự súng săn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hà Văn B phạm tội “Đe dọa giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 133 ; Điều 38; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự : Xử phạt: Bị cáo Hà Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2023, bị cáo Hà Văn B kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hà Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đe dọa giết người” là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Có tính chất côn đồ” là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo. Về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 chấp nhận một phần kháng cáo sửa bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội “Đe dọa giết người”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Nguyễn Tiến T1 trình bày: Ngày 29/11/2022, ông Lê Cảnh T2 đến nhà bị cáo đòi nợ số tiền 4.020.000 đồng và yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền 400.000 đồng tiền dầu nhưng do không thống nhất được với nhau về việc trả số tiền 400.000 đồng tiền dầu này nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Trong lúc cãi nhau thì ông T2 đã đe dọa bị cáo “Mày có tin là tao hốt mày luôn không” đồng thời chỉ tay vào mặt bị cáo. Do bức xúc vì bị ông T2 hăm dọa nên bị cáo đã lấy khẩu súng độ chế mà bị cáo nhặt được khi đi làm rẫy ra để đe dọa bắn ông T2. Việc bị cáo đe dọa bắn ông T2 là do trước đó hai bên có mâu thuẫn với nhau. Như vậy, việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do xuất phát từ việc bị ông T2 hăm dọa, dẫn đến việc bị cáo bức xúc không kiềm chế được hành vi của mình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là không đúng. Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 của Bộ luật hình sự. Hiện nay, vợ bị cáo đang bị bệnh tai biến và bị liệt nửa người, các con của bị cáo còn nhỏ, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, nếu bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù thì vợ, con không có người chăm sóc. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Hà Văn B tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù

hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do bị cáo Hà Văn B nợ tiền thuê giàn khoan giếng của ông Lê Cảnh T2 nên chiều ngày 29/11/2022 vợ chồng ông T2, bà T3 đến nhà của bị cáo B tại thôn GC, xã ED, huyện KN để đòi nợ số tiền 4.020.000 đồng tiền thuê giàn khoan và 400.000 đồng tiền dầu còn trong máy, nhưng B không đồng ý trả số tiền 400.000 đồng và cho rằng số dầu còn ít, nên hai bên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Trong lúc cãi nhau thì ông T2 lấy điện thoại ra gọi và nói với bị cáo “Mày có tin là tao hốt mày luôn không?”. Nghe vậy, bị cáo nghĩ ý ông T2 gọi người đến đánh nên bị cáo đã lấy khẩu súng tự chế có sẵn trong nhà, đi tới và dờ nòng súng hướng về phía ông T2 làm cho ông T2 sợ hãi bỏ chạy ra khỏi nhà bị cáo. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đe dọa giết người” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, hành vi nêu trên của bị cáo được thực hiện một cách bộc phát, không có sự chuẩn bị từ trước; bị cáo thực hiện hành vi này không nhằm mục đích giết ông T2 mà chỉ làm cho ông T2 sợ hãi và ngừng ngay việc chửi bới, hăm dọa bị cáo. Hành vi nêu trên của bị cáo là hành vi khách quan cấu thành tội “Đe dọa giết người” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định hành vi của bị cáo là “Có tính chất côn đồ” và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không phù hợp. Do đó, cần ghi nhận ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, thì thấy: Mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo đã thực hiện. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định rõ ràng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ chứng minh hiện nay vợ bị cáo bị tai biến, bị liệt nửa người và mắc một số bệnh khác; con của bị cáo đang còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình nếu bị cáo đi chấp hành án thì không có người chăm sóc vợ, con. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo để sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hà Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Văn B – Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[1] Điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đe dọa giết người”. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hà Văn B cho Ủy ban nhân dân xã ED, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bị cáo Hà Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* *Nơi nhận:*

- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- UBND xã ED, huyện KN;
- CC THADS huyện KN;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn